

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-PT.

Ngày: 14 - 9 - 2018.

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn.

Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Đồng Khởi – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Các ngày 10 và 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017, về “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 357/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33A/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quãng Thị Hồng N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quãng Văn O, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lý Bình Đ
- Văn phòng luật sư V – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn Nh.

- Chị Quăng Thị Kim Th.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Y, Phòng giao dịch Q.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang S, chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Q.

- Chị Phan Thị Hồng Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số V, khu vực F, phường N, quận B, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Quăng Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi trong vấn đề tiền bạc, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng không còn tình cảm đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có trúng 01 tờ vé số đặc biệt với số tiền 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi chi tiêu chung thì còn lại 560.000.000 đồng, trong đó cho anh rể Nguyễn Văn Nh và chị Quăng Thị Kim Th vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và anh Nguyễn Văn T gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Y, Phòng giao dịch Q với số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Nay chị yêu cầu chia đôi 560.000.0000 đồng nêu trên.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, thời gian ly thân là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh cũng thống nhất cho rằng vợ chồng không hợp nhau và không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về tài sản chung: Anh thừa nhận, trong quá trình sống chung như vợ chồng có trúng 01 tờ vé số đặc biệt với số tiền 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm

mười triệu đồng); anh đã chia cho chị N rồi. Hiện nay còn 560 triệu đồng: anh gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Y, Phòng giao dịch Q với số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng); cho anh Nguyễn Văn Nh và chị Quảng Thị Kim Th vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), không đồng ý chia số tài sản trên theo yêu cầu của chị N.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho anh Nguyễn Văn Nh và chị Quảng Thị Kim Th cùng trình bày: Vào tháng 9 năm 2015, anh chị có vay của vợ chồng anh T và chị N số tiền 300 triệu đồng, lãi suất 2%/tháng (Không có làm biên nhận). Sau khi vay được 6 tháng thì phía anh T yêu cầu làm biên nhận vay tiền (không có mặt của chị N). Đến nay đã trả vốn cho anh T được 100 triệu đồng; còn thiếu vợ chồng anh T và chị N số tiền 200 triệu đồng và đồng ý trả cho vợ chồng anh T và chị N số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Y, Phòng giao dịch Q có đại diện ông Lê Quang S trình bày: Vào ngày 05/8/2015, anh T có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng với số tiền 01 tỷ đồng, số tài khoản 12601 00560 68021 kỳ hạn 03 tháng trả lãi sau, số tiền 01 tỷ đồng và giao dịch rút gốc đến ngày 24/10/2016, tất toán sổ tiết kiệm, nhận toàn bộ gốc còn lại 15 triệu đồng. Ngày 22/4/2016, ông T đến Ngân hàng Chi nhánh Y, Phòng giao dịch Q báo mất Sổ tiết kiệm và đề nghị cấp Sổ mới; sau khi đối chiếu lại thông tin khách hàng và thực hiện các thủ tục theo quy định của Ngân hàng đã cấp lại sổ mới cho ông T có số sê ri PK 4377777; Ngày 10/5/2016, anh T đến Ngân hàng giao dịch rút 15 triệu đồng và lãi phát sinh 227.734 đồng.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 357/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không Công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quảng Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Buộc anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm chia cho chị Quảng Thị Hồng N 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Trong đó: Buộc cho anh Nguyễn Văn Nh và chị Quảng Thị Kim Th giao trả cho chị Quảng Thị Hồng N 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), buộc anh Nguyễn Văn T phải giao cho chị Quảng Thị Hồng N 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 17/10/2017, anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung: Không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của chị Quảng Thị Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Quảng Thị Hồng N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; còn chị Phan Thị Hồng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị N và chị Đ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị N và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung anh chị không có con chung và không tạo lập được tài sản chung. Đến năm 2015, anh T mua vé số trúng thưởng được 1.350.000.000 đồng, đã chi phí còn lại 560.000.000 đồng. Chị N cho rằng đây là tài sản chung của chị với anh T và yêu cầu chia; còn anh T thì không đồng ý, anh T cho rằng tiền mua vé số trúng thưởng là tiền riêng của anh và anh không đồng ý nhập số tiền này vào tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án chị N và anh T không thỏa thuận được về số tiền này, chị N cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ.

Tại khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 qui định Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật như sau: “*Tài sản được giải quyết theo nguyên tắc tài sản riêng của ai thì vẫn thuộc quyền sở hữu của người đó; tài sản chung được chia theo thỏa thuận của các bên, ...*”. Số tiền tranh chấp có được trong thời kỳ hôn nhân không hợp pháp của anh T và chị N, chị N không chứng minh được đây là tài sản chung của chị và anh T, cấp sơ thẩm công nhận đây là tài sản chung của hai người và quyết định chia theo yêu cầu của chị N là thiếu căn cứ. Do đó, kháng cáo của anh T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Đối với số tiền anh Nguyễn Văn Nh và chị Quảng Thị Kim Th vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) của anh Nguyễn Văn T, trong vụ án này nguyên đơn, bị đơn không có đơn yêu cầu giải quyết và cũng không nộp tiền tạm ứng án phí, cấp sơ thẩm xem xét giải quyết buộc anh Nh và chị Th có trách

nhiệm trả là không đúng qui định, vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu của chị Phan Thị Hồng Đ, do chị Đ cung cấp không đầy đủ chứng cứ, Tòa án không làm việc được với chị về những nội dung chị mà chị yêu cầu, nên tách ra thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11, Điều 17, Điều 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 357/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Quãng Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2/ Về con chung, tài sản chung: Không có.

3/ Về tài sản riêng: Anh Nguyễn Văn T được sở hữu số tiền 560.000.0000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Quãng Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009122 nộp ngày 14/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Chị Quãng Thị Hồng N được nhận lại 7.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp theo biên lai số 0010553 ngày 06/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Anh Nguyễn Văn T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0012931 nộp ngày 25/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 14/9/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Đình Nghệ